

Châu Thành, ngày 20 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 61/2023/TLST - VDS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Huỳnh Hữu N**, sinh năm 1998;

2. **Chị Trần Văn Kim V**, sinh năm 1996;

Cùng nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 02 năm 2023, người yêu cầu đã thống nhất các vấn đề sau đây:

[1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu N và chị Trần Văn Kim V kết hôn vào năm 2020, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/5/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thiếu sự quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống vợ chồng mất dần hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay, anh N và chị V đã sống ly thân. Đến nay, anh N và chị V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh N và chị V thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh N và chị V đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Anh N và chị V có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc Phương U, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2020 đang sống chung với anh N. Sau khi ly hôn, anh N được trực tiếp nuôi con chung; anh N không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị V cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh N và chị V phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Hữu N và chị Trần Thị Kim V.

- Về con chung: Anh N được trực tiếp nuôi con chung tên là Huỳnh Ngọc Phương U, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2020; ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị V cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh N và chị V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010831 ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền